

## **Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



# **Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



# Quỹ đầu tư giá trị MB Capital

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 11
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12 - 13
Báo cáo kiểm toán độc lập	14 - 15
Báo cáo thu nhập	16 - 17
Báo cáo tình hình tài chính	18 - 19
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	20
Báo cáo danh mục đầu tư	21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	22 - 23
Thuyết minh báo cáo tài chính	24 - 54

# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital (“Quỹ”) được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan và Thông tư số 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và điều lệ sửa đổi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2016.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 264.169.639.000 VND, tương đương với 26.416.963,90 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 76.871.856.000 VND, tương đương với 7.687.185,60 chứng chỉ quỹ).

### Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 09 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006 với tên gọi là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

### Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Lê Văn Bé	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017
Ông Lương Văn Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017
Ông Hiroshi Hiramoto	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017
Bà Lê Hoàng Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Đoàn Phong Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2016

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.



# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

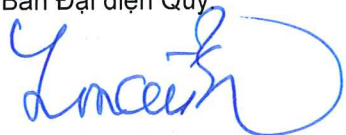
Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, tình hình đầu tư và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Lê Văn Bé  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2018

# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

#### 1.1 Mục tiêu

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### 1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 15,41% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

#### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

##### 1.3.1 Chiến lược đầu tư

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ sẽ sử dụng mô hình và chiến lược đầu tư giá trị, theo đó:

- ▶ Quỹ sẽ nhắm tới các doanh nghiệp được niêm yết trên sàn, có chính sách và có khả năng chi trả cổ tức tốt, có thị giá thấp hơn nhiều so với giá trị định giá theo các mô hình định lượng cơ bản;
- ▶ Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục với mục tiêu tối ưu hóa tỷ suất cổ tức kỳ vọng trên thị giá của toàn danh mục;
- ▶ Quỹ cũng hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng đầu tư.

##### 1.3.2 Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào nhưng không giới hạn ở những ngành nghề sau với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- |                                 |                              |
|---------------------------------|------------------------------|
| - Ngân hàng - Dịch vụ tài chính | - Hàng tiêu dùng             |
| - Thực phẩm - Nước giải khát    | - Bảo hiểm                   |
| - Vật liệu - Khai khoáng        | - Hàng hóa công nghiệp       |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản  | - Dược phẩm                  |
| - Tiện ích công cộng            | - Vận tải                    |
| - Năng lượng                    | - Dịch vụ                    |
| - Bán lẻ                        | - Dệt may- Thiết bị phụ tùng |

##### 1.3.3 Các loại tài sản được phép đầu tư

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- ▶ Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- ▶ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- ▶ Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;



# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

##### 1.3.3 Các loại tài sản được phép đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- ▶ Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- ▶ Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- ▶ Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

#### 1.4 Phân loại Quỹ: Quỹ mở

#### 1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

#### 1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Chiến lược đầu tư của Quỹ tập trung đầu tư vào thị trường cổ phiếu, trong đó chú trọng vào cơ hội đầu tư giá trị, có mức độ rủi ro trung bình. Bên cạnh đó, rủi ro của danh mục đầu tư sẽ được giảm thiểu bằng việc phân bổ danh mục đa dạng phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ. Đây là ưu điểm so với các khoản vốn nhỏ, lẻ không thể đa dạng hóa danh mục được.

#### 1.7 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 264.169.639.000 VND, tương đương với 26.416.963,90 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 377.650.571.595 VND.

#### 1.8 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

#### 1.9 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ:

Trong năm Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

### 2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Danh mục chứng khoán	52,54%	51,36%	49,65%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	39,26%	43,93%	49,31%
Chứng chỉ tiền gửi	7,90%	-	-
Các tài sản khác	0,30%	4,71%	1,04%
	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

### 2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	377.650.571.595	95.219.987.687	55.189.595.137
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	26.416.963,90	7.687.185,60	5.039.512,17
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	14.296,00	12.387	10.951
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	14.296	12.387	11.307
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	12.152	10.478	10.267
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	15,41%	13,11%	3,71%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	-0,69%	65,74%	19,66%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	700
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	700
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	06 tháng 04 năm 2015
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,21%	3,07%	2,48%
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	112,63%	141,26%	171,78%

### 2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm đến thời điểm báo cáo	15,41%	15,41%
3 năm đến thời điểm báo cáo	33,49%	10,63%

### 2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	15,41%	13,11%	3,71%



### 3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

GDP năm 2017 tăng 6,81%. Khu vực dịch vụ có tăng trưởng mạnh nhất đặc biệt là khu vực dịch vụ và ngành công nghiệp chế biến chế tạo. Trong khi đó khu vực nông nghiệp có tăng trưởng nhẹ.

Lạm phát cơ bản bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân cùng kỳ năm 2016. CPI bình quân năm 2017 so với cùng kỳ năm ngoái tăng 3,53%, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI tăng so với cùng kỳ do giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh và giáo dục tăng mạnh. Tổng cục Hải quan thông báo, tổng trị giá xuất khẩu ước đạt gần 213,77 tỷ USD, tăng 21,1% và tổng trị giá nhập khẩu ước đạt 211,1 tỷ USD, tăng 20,8%, xuất siêu của Việt Nam trong năm 2017 đạt gần 2,7 tỷ USD, bằng xấp xỉ 1,25% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Mặc dù có những biến động nhất định vào thời điểm đầu năm nhưng 2017 được xem là năm thị trường ngoại tệ cũng như tỷ giá duy trì mức ổn định. Cụ thể, cuối tháng 11, tỷ giá bán tại nhiều Ngân hàng thương mại chỉ tăng khoảng 1,24% và phổ biến vào khoảng 22.750 – 22.760 VND/USD duy trì mặt bằng giá ổn định trong vòng 6 tháng cuối năm. Điều này phần nào được hỗ trợ nhờ các diễn biến tích cực trên thị trường thế giới. Cụ thể, bất chấp lộ trình tăng lãi suất của FED, việc USD giảm giá mạnh so với các đồng tiền chủ chốt khác được xem là yếu tố tích cực đối với sự ổn định của thị trường ngoại tệ. Thậm chí, nếu so với mặt bằng chung của các đồng tiền trong khu vực, sức mạnh tương đối của VND có sự cải thiện trong năm 2017.

Năm 2017, chỉ số VN index tăng 48,03%, chỉ số HNX index tăng 45,87%. Chỉ số VN30 tăng 55,28%. Thanh khoản trung bình phiên của thị trường tăng tích cực, sàn HOSE tăng +50,3% về khối lượng so với 2016. Trên sàn HNX index, thanh khoản tăng 26,2% so với năm 2016. Toàn thị trường có gần 75% số mã tăng giá và 25% mã giảm giá, độ rộng thị trường lớn cho thấy dòng tiền mới chảy vào thị trường chứng khoán rất tích cực. Dòng tiền vẫn có xu hướng tập trung vào nhóm cổ phiếu cơ bản nhiều hơn các năm trước, thể hiện qua: Chỉ số VN30 tăng mạnh hơn chỉ số Vnindex, trong năm 2017, VNIndex tăng 48%, trong đó nhóm Large Cap (vốn hóa trên 5.000 tỷ) đóng góp 43.5 điểm phần trăm chiếm gần 91% số điểm phần trăm tăng của VNIndex. Nhóm Mid-cap và Small-cap đóng góp không đáng kể. Tương tự 2016, nhóm Large-cap có mức tăng tích cực so với nhóm Small-cap, Mid-cap, cho thấy trong đợt tăng trưởng này, nhóm cổ phiếu cơ bản vẫn thu hút dòng tiền rất tốt.

Giao dịch của khối nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2017 cũng có diễn biến khả quan. Tính chung cả năm 2017, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng tích cực. Cụ thể, khối ngoại trên HOSE và HNX đã mua vào 420,3 triệu cổ phiếu, trị giá trên 26.500 tỷ đồng, chủ yếu tập trung mua ròng tại sàn HOSE.

Năm 2017 Thị trường chứng khoán cũng chứng kiến việc luân phiên dẫn dắt thị trường của các nhóm ngành có sự thay đổi rõ rệt so với 2016. Các nhóm: ngân hàng, bất động sản, chứng khoán tăng mạnh nhất trong năm 2017 trong khi năm 2016 gần như không tăng trưởng. Ngược lại, nhóm tài nguyên cơ bản, hàng hóa tăng tốt trong năm 2016, năm nay có phần trầm lắng hơn so với thị trường chung. Nhóm ngành thực phẩm và đồ uống, bán lẻ, dược phẩm là những ngành tiếp tục tăng tích cực trong năm 2017, sau khi đã tăng mạnh trong năm 2016



# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	-0,69%	13,89%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	33,45%	16,23%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	15,41%	33,49%
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ	15,41%	10,63%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



### Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	377.650.571.595	95.219.987.687	296,61%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	14.296	12.387	15,41%

# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	184	289.311,09	1,10%
Từ 5.000 đến 10.000	66	497.931,39	1,88%
Từ 10.000 đến 50.000	164	4.105.459,92	15,54%
Từ 50.000 đến 500.000	115	15.985.950,75	60,52%
Trên 500.000	7	5.538.310,75	20,96%
	<b>536</b>	<b>26.416.963,90</b>	<b>100,00%</b>

## 5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

### Dự báo kinh tế vĩ mô 2018

Tăng trưởng GDP: Dự báo tăng trưởng cả năm tiếp tục tích cực có thể đạt mức 6,75% cho cả năm 2018 khi (1) Chính phủ chỉ đạo đạt tăng mục tiêu tăng trưởng rất quyết liệt, tiếp tục dùng tăng trưởng tín dụng để hỗ trợ tăng trưởng GDP; (2) Chính phủ hoàn toàn có thể đẩy tăng sản lượng ngành Khai khoáng (chủ yếu Dầu khí) nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng; (3) Khu vực Dịch vụ và công nghiệp chế biến-chế tạo nhiều khả năng tiếp tục là điểm sáng; (4) Các doanh nghiệp FDI lớn với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất.

Với dự báo chính sách tiếp tục theo hướng nới lỏng hơn khi lạm phát trong tầm kiểm soát, việc tín dụng được mở rộng hơn sẽ tác động tích cực lên tăng trưởng trong nửa đầu năm 2018. Ở chiều ngược lại, mức tăng trưởng tín dụng cao có thể gây sức ép lên việc kiểm soát lạm phát, đặc biệt trong nửa cuối năm 2018. Cụ thể, Trong tháng đầu năm 2018, các ngân hàng thương mại lớn đã chủ động hạ lãi suất cho vay tại một số lĩnh vực để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Dự trữ ngoại hối quốc gia được dự báo tiếp tục gia tăng. Dòng vốn giải ngân FII và FDI tích cực. Nhà nước tiếp tục chủ động trong điều hành tỷ giá. Nhìn chung tỷ giá được giữ ổn định, không có phá giá mạnh, dự báo mức giảm giá của VND trong năm 2018 không giảm giá quá 3%, và nhiều khả năng vào khoảng 2%.

Lạm phát trong năm 2018 có thể chịu áp lực tăng từ một số nhân tố: (1) giá nguyên liệu hàng hóa thế giới có thể tăng ở một số mặt hàng. Tuy nhiên khi xét đến xăng dầu, mặt hàng có tác động nhiều nhất lên lạm phát của Việt Nam, triển vọng của giá dầu thô thế giới trong dài hạn được dự báo sẽ khó bứt khỏi vùng giá 60 USD/thùng khi vùng giá này là đủ để kích hoạt mạnh nguồn cung của các nhà sản xuất dầu đá phiến Mỹ, (2) lộ trình tăng giá của các mặt hàng thiết yếu dưới sự điều hành của Chính phủ: Điện, Nước, Y tế, Giáo dục (3) Áp lực tăng đến từ yếu tố thời vụ (tháng 2: áp lực từ tết nguyên đán; tháng 9 xung quanh thời điểm năm học mới).

Nhìn chung, tình hình kinh tế vĩ mô vẫn sẽ được duy trì ổn định, các chỉ số vĩ mô được kiểm soát chặt chẽ để đạt mục tiêu mà chính phủ đã đề ra. Do đó, tình hình kinh tế vĩ mô vẫn hỗ trợ tích cực cho thị trường chứng khoán năm 2018.

### Dự báo thị trường chứng khoán 2018

Với những giả định bối cảnh kinh tế vĩ mô như trên, chúng tôi kỳ vọng rằng thị trường trong năm 2018 vẫn là xu hướng kênh tăng giá, tuy nhiên sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn do mức định giá của nhiều nhóm ngành đã không còn rẻ, các cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng trong trung và dài hạn, định giá ở mức vừa phải sẽ là các cổ phiếu tiếp tục tăng giá. Trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ có nhịp điều chỉnh nhẹ đầu năm khi áp lực chốt lời gia tăng khi kết quả kinh doanh năm 2017 của các doanh nghiệp đã được phản ánh một phần vào giá.

# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 6. THÔNG TIN KHÁC

### Đội ngũ quản lý Quỹ

#### **Ông Nguyễn Đức Hải**

*Phó Tổng Giám đốc*

Ông Hải có trên 13 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải làm việc tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11/2015. Ông Hải tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).

#### **Ông Ngô Long Giang**

*Giám đốc Đầu tư*

Trước khi gia nhập MB Capital năm 2010, Ông Ngô Long Giang có gần 10 năm học tập và làm việc tại Mỹ. Ông từng làm Chuyên gia tư vấn tài chính tại công ty Wells Fargo, một trong những công ty tài chính lớn nhất của Mỹ, chuyên tư vấn về kế hoạch tài chính, chiến lược tài chính, quản lý danh mục đầu tư, quản lý tài sản cho các cá nhân và doanh nhân. Ông Giang tốt nghiệp đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam) và có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường ĐH California (Mỹ)

### Ban Điều hành Quỹ

#### **Ông Phan Phương Anh**

*Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc*

Ông Phan Phương Anh có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán và Đầu tư tại Việt Nam, và là một trong những thành viên sáng lập Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB. Trước khi thành lập MB Capital, ông Phan Anh từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng Quân đội như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối, Thành viên Ủy ban ALCO. Dưới sự điều hành của ông, MB Capital đã trở thành một trong. Ông Phan Anh có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng và Tài chính của trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam).

#### **Ông Nguyễn Đức Hải**

*Phó Tổng Giám đốc*

Ông Hải có trên 13 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải làm việc tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11/2015. Ông Hải tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).



# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### Đội ngũ quản lý Quỹ (tiếp theo)

##### **Bà Trương Thị Hương Trà**

*Phó Tổng Giám đốc*

Bà Trương Thị Hương Trà có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán. Bà Trà làm việc tại Ngân hàng Quân đội từ năm 1998 và gia nhập MB Capital từ năm 2006 với vai trò Giám đốc Phát triển Kinh doanh và sau đó là Giám đốc Dịch vụ khách hàng. Bà Trà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của MB Capital từ tháng 04/2016. Bà Trà có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trường Đại học California Miramar, Mỹ.

##### **Ban Đại diện Quỹ**

##### **Ông Lê Văn Bé**

*Chủ tịch Ban Đại diện*

Ông Lê Văn Bé là một trong những sáng lập viên của Ngân hàng Quân đội (MB) và nguyên là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Ông cũng nguyên là Chủ tịch HĐQT của MB Capital từ năm 2006 đến năm 2012. Với hơn 30 năm kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc lĩnh vực tài chính ngân hàng và đầu tư tại Việt Nam, ông Bé đã góp công lớn trong việc xây dựng MB trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam.

##### **Ông Lương Văn Trung**

*Thành viên Ban Đại diện*

Ông Lương Văn Trung có hơn 19 năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn luật và quản lý quỹ đầu tư. Ông Trung từng là thành viên và là Luật sư quản lý của Bross & Partner văn phòng chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng phòng Pháp lý công ty British America Tobacco (Vietnam), Luật sư và Giám đốc phụ trách tuân thủ công ty Manulife Vietnam và Công ty Quản lý Quỹ Manulife Vietnam, Trưởng Đại diện và Giám đốc Pháp lý của Công ty Saigon Asset Management (SAM). Từ 04/2016, ông Trung là luật sư Công ty Lexcomm Vietnam LLC.

Ông Lương Văn Trung tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Pháp luật kinh tế năm 1998, và trường College of Law (Vương quốc Anh) chuyên ngành Luật năm 2005.

# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### Ban Đại diện Quỹ (tiếp theo)

#### Bà Lê Hoàng Yến

*Thành viên Ban Đại diện*

Bà Lê Hoàng Yến có hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Bà Lê Hoàng Yến đã từng có thời gian làm việc tại ngân hàng VP bank và công tác tại phòng Tài chính, Kế toán và phòng Treasury của Ngân hàng ING (Hà Lan). Bà Yến hiện đang phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn tại Công ty NTT Việt Nam (là một công ty thuộc tập đoàn NTT của Nhật Bản). Bà Yến đã trở thành thành viên của Hiệp hội kế toán Anh (ACCA) vào tháng 3 năm 2012.

#### Ông Đoàn Phong Quang

*Thành viên Ban Đại diện*

Ông Đoàn Phong Quang hiện là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC). Trước khi gia nhập MIC, ông Đoàn Phong Quang từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ông Quang được bầu làm thành viên Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital từ tháng 4/2016.



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2018



Tại kỳ định giá ngày 23 tháng 03 năm 2017, tổng giá trị các khoản phải trả vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại Thông tư 15 và Điều lệ Quỹ. Việc Quỹ phát sinh sai lệch là do nhà đầu tư đặt tiền mua chứng chỉ quỹ dẫn tới các khoản phải trả và tiền của Quỹ trong kỳ giao dịch tăng mạnh. Số tiền đặt mua chứng chỉ quỹ sau khi được phân bổ sẽ được ghi nhận tại ngày 23 tháng 03 năm 2017. Công ty quản lý quỹ đã điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật tại kỳ định giá ngày 30 tháng 03 năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã tuân thủ các quy định tại Mục g, Khoản 10, Điều 1 Thông tư 15 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ.

- Theo Mục f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 9, Điều lệ quỹ quy định: "Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu." Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại kỳ định giá ngày 19 tháng 01 năm 2017; ngày 05 tháng 10 năm 2017; ngày 21 tháng 12 năm 2017 và kỳ định giá ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian cho phép đối với các trường hợp phát sinh sai lệch nêu trên.

Đối với trường hợp phát sinh sai lệch tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng quy định tại Mục f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 9, Điều lệ quỹ chậm nhất vào ngày 02 tháng 04 năm 2018.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Vũ Hương Giang**

**Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Trương Thị Hoàng Yến**

**Nhân viên Bộ phận Giám sát**

**Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited  
Head Office**

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,  
E6 Phạm Hùng, Mễ Trì Ward,  
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000  
Fax: (84 24) 3837 8356  
Swift: SCBLVNVX

**Here for good**

Số tham chiếu: 61020402/1953083 -MBVF

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các nhà đầu tư**  
**Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018 và được trình bày từ trang 15 đến trang 54, bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, báo cáo giao dịch chứng chỉ quỹ mở, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB*

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB, là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Nguyễn Thủy Dương  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1



Trần Thị Thu Hiền  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2847-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2018



**BÁO CÁO THU NHẬP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
<b>1</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>43.954.838.883</b>	<b>13.312.153.602</b>
2	1.1. Cổ tức được chia		3.145.078.800	2.103.079.200
3	1.2. Tiền lãi được nhận		7.020.788.453	1.221.363.202
4	1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	25.697.666.639	9.654.951.055
5	1.4. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	8.091.304.991	332.760.145
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>820.603.496</b>	<b>318.857.308</b>
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	820.603.496	318.857.308
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>4.856.746.298</b>	<b>2.064.578.832</b>
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ mở		3.859.969.408	1.162.970.137
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		227.593.608	171.658.323
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		198.000.000	152.935.482
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở		198.000.000	198.000.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		105.600.000	105.600.000
20.8	3.6. Chi phí kiểm toán		55.000.000	48.400.000
	3.7. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ		167.534.000	194.735.483
20.10	3.8. Chi phí hoạt động khác	8	45.049.282	30.279.407
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>38.277.489.089</b>	<b>10.928.717.462</b>
<b>24</b>	<b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
30	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>38.277.489.089</b>	<b>10.928.717.462</b>
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		30.186.184.098	10.595.957.317
32	6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		8.091.304.991	332.760.145
40	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>		-	-
41	<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>38.277.489.089</b>	<b>10.928.717.462</b>

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2018



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>9</b>	<b>149.077.639.127</b>	<b>43.829.446.298</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		7.077.639.127	14.329.446.298
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		142.000.000.000	29.500.000.000
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>10</b>	<b>229.491.388.820</b>	<b>51.237.504.200</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư		229.491.388.820	51.237.504.200
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>	<b>11</b>	<b>1.123.982.872</b>	<b>4.697.851.062</b>
131	3.1 Phải thu bán cổ phiếu		-	3.867.259.396
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.123.982.872	830.591.666
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.123.982.872	830.591.666
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>379.693.010.819</b>	<b>99.764.801.560</b>
	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	12	1.495.840.400	4.286.924.757
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	1.568.010
315	3. Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư		-	-
316	6. Chi phí phải trả	13	55.000.000	87.400.000
319	9. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	14	491.598.824	168.921.106
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.042.439.224</b>	<b>4.544.813.873</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b>		<b>377.650.571.595</b>	<b>95.219.987.687</b>
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư	15	264.169.639.000	76.871.856.000
412	1.1 Vốn góp phát hành		642.086.513.200	224.662.491.300
413	1.2 Vốn góp mua lại		(377.916.874.200)	(147.790.635.300)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		57.851.372.013	996.060.194
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	55.629.560.582	17.352.071.493
	Lợi nhuận đã thực hiện		48.330.627.664	18.144.443.566
	Lợi nhuận chưa thực hiện		7.298.932.918	(792.372.073)
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>		<b>14.296</b>	<b>12.387</b>

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
440	<b>V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>		<b>4.515.227.682</b>	<b>4.515.227.682</b>
	1. Lợi nhuận/Tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm		-	-
	2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế kể từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo		4.515.227.682	4.515.227.682

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: chứng chỉ quỹ

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	26.416.963,90	7.687.185,60

Người lập:



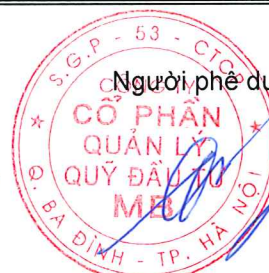
Bà Nguyễn Kim Khánh  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2016
I	<b>Giá trị tài sản ròng đầu năm</b>	<b>95.219.987.687</b>	<b>55.189.595.137</b>
II	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm</b>	<b>38.277.489.089</b>	<b>10.928.717.462</b>
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong năm	38.277.489.089	10.928.717.462
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm	-	-
III	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (III = III.1 – III.2)</b>	<b>244.153.094.819</b>	<b>29.101.675.088</b>
1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	552.279.488.034	99.499.950.000
2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	308.126.393.215	70.398.274.912
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm (IV = I + II + III)</b>	<b>377.650.571.595</b>	<b>95.219.987.687</b>

Người lập:



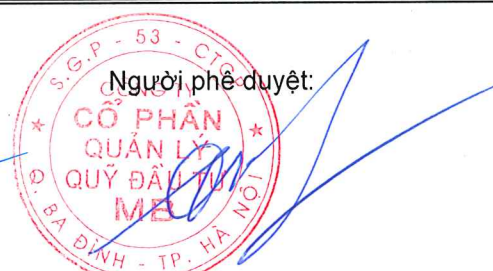
Bà Nguyễn Kim Khánh  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2018



**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng cổ phần	Giá thị trường VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ/Tổng giá trị tài sản hiện tại
<b>I</b>	<b>CÓ PHIẾU NIÊM YẾT</b>				
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	148.000	36.900	5.461.200.000	1,44%
2	CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	6	38.300	229.800	0,00%
3	Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	900.000	52.000	46.800.000.000	12,33%
4	Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam – TNHH Một thành viên	351.100	27.800	9.760.580.000	2,57%
5	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội	160.000	85.300	13.648.000.000	3,59%
6	Công ty cổ phần phát triển đô thị Từ Liêm	602.190	10.900	6.563.871.000	1,73%
7	Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP	406.882	15.700	6.388.047.400	1,68%
8	CTCP Sông Đà 10	1.522.300	8.400	12.787.320.000	3,37%
9	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	1.600.000	12.800	20.480.000.000	5,39%
10	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	401.070	54.300	21.778.101.000	5,74%
11	Tổng CTCP May Việt Tiến (UpCOM)	333.100	58.000	19.319.800.000	5,09%
12	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	160.490	41.000	6.580.090.000	1,73%
	...			<b>169.567.239.200</b>	<b>44,66%</b>
<b>II</b>	<b>TRÁI PHIẾU</b>				
1	Trái phiếu Tổng CT Phát triển Đô thị Kinh Bắc- CTCP	299.240	100.000,5	29.924.149.620	7,88%
				<b>29.924.149.620</b>	<b>7,88%</b>
<b>III</b>	<b>CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI</b>				
1	Chứng chỉ tiền gửi Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	30.000	1.000.000	30.000.000.000	7,90%
				<b>30.000.000.000</b>	<b>7,90%</b>
<b>IV</b>	<b>CÁC TÀI SẢN KHÁC</b>				
1	Dự thu lãi tiền gửi được nhận			296.875.000	0,08%
2	Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi được nhận			355.804.872	0,10%
3	Dự thu lãi trái phiếu được nhận			471.303.000	0,12%
				<b>1.123.982.872</b>	<b>0,30%</b>
<b>V</b>	<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>				
1	Tiền gửi không kỳ hạn			7.077.639.127	1,86%
2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng			142.000.000.000	37,40%
				<b>149.077.639.127</b>	<b>39,26%</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC</b>			<b>379.693.010.819</b>	<b>100%</b>

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(381.589.570.540)	(118.488.694.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		238.210.773.050	91.049.359.800
03	3. Cổ tức đã nhận		3.894.352.916	1.888.772.071
04	4. Tiền lãi đã thu		5.975.653.247	1.198.941.855
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(4.563.729.196)	(2.030.548.605)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)		(830.593.457)	(310.674.054)
09	7. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư		4.259.780.000	13.280.672.450
10	8. Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư		(4.260.000.000)	(591.250)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(138.903.333.980)</b>	<b>(13.412.761.733)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ mở		557.858.068.721	100.505.000.000
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ mở		(307.793.737.719)	(70.365.328.693)
	3. Tiền chi thanh toán phí phát hành, phí mua lại, thuế liên quan đến giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ		(5.912.804.193)	(1.036.428.209)
25	4. Thu nhập trả cho Nhà đầu tư		-	(105.500)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>244.151.526.809</b>	<b>29.103.137.598</b>
40	<b>III. Tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>105.248.192.829</b>	<b>15.690.375.865</b>
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>43.829.446.298</b>	<b>28.139.070.433</b>
51	1. Tiền gửi ngân hàng đầu năm		43.829.446.298	28.139.070.433
52	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		43.829.446.298	28.139.070.433



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>9</b>	<b>149.077.639.127</b>	<b>43.829.446.298</b>
56	1. Tiền gửi ngân hàng cuối năm		149.077.639.127	43.829.446.298
57	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		149.077.639.127	43.829.446.298
60	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>		<b>105.248.192.829</b>	<b>15.690.375.865</b>

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**1.1 Thông tin về Quỹ**

**Quỹ**

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và điều lệ sửa đổi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2016.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ.

**Công ty Quản lý Quỹ**

Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 09 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006 với tên gọi là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội.

**Ngân hàng giám sát**

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ**

**Quy mô vốn**

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 264.169.639.000 VND, tương đương với 26.416.963,90 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 76.871.856.000 VND, tương đương với 7.687.185,60 chứng chỉ quỹ). Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 377.650.571.595 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 95.219.987.687 VND)

**Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)**

**Kỳ tính giá trị tài sản ròng**

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào thứ năm hàng tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng/quý/năm theo luật định.

**Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ**

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch định kỳ vào ngày thứ năm tuần thứ hai và tuần thứ tư trong tháng. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì được chuyển sang ngày thứ năm kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày thứ năm kế tiếp vẫn là nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

**Hạn chế đầu tư**

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

- ▶ Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản sau được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó giá trị chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng:
  - ✓ Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
  - ✓ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản;
  - ✓ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
  - ✓ Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
  - ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- ▶ Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- ▶ Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thâu tóm các tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ mới được phép cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu tháng (06), tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

## 2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt nam ("VND").

## 3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (Thông tư số 198) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC (Thông tư số 183) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC (Thông tư số 15) ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 3.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán* (tiếp theo)

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 3.2 *Tuân thủ*

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB khẳng định rằng báo cáo tài chính kèm theo tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở.

#### 3.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là nhật ký chung.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 4.1 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.3 Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng.

*Nguyên tắc phân loại*

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

*Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

*Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- ▶ Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và các công cụ nợ khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

*Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý, các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183 và Thông tư số 15 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá*

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay Định giá như sau:

- ▶ *Tiền (VND):* số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Ngoại tệ:* Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Tiền gửi có kỳ hạn:* là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu:* Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá..

▶ *Trái phiếu:*

i. Trái phiếu niêm yết:

*Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn trên 3 tháng*

Giá yết (Giá sạch) cuối ngày trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) trong vòng 2 tuần tính đến ngày trước ngày định giá mà không có biến động bất thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá .

Trường hợp không có giao dịch mua bán thông thường (outright) nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có biến động bất thường, giá được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Giá yết trên hệ thống báo giá Bloomberg mà không có biến động bất thường cộng lãi suất cuống phiếu tới ngày trước ngày định giá
- ✓ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 tháng tính đến ngày trước ngày định giá.
- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá sẽ được áp dụng.

*Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn dưới 3 tháng*

Trái phiếu được định giá theo mệnh giá của trái phiếu cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

ii. Trái phiếu chưa niêm yết

Trái phiếu chưa niêm yết có thời gian đáo hạn trên một (01) năm sẽ được định giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Giá trung bình giữa giá chào mua và giá chào bán trên hệ thống báo giá Bloomberg cộng lãi suất cuống phiếu tới ngày trước ngày định giá.
- ✓ Giá được xác định bởi trung bình báo giá (giá sạch) của 3 tổ chức cung cấp báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá.
- ✓ Trường hợp không có đầy đủ báo giá của 3 tổ chức cung cấp báo giá, giá được xác định bởi trung bình báo giá (giá sạch) của 2 tổ chức cung cấp báo cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá.
- ✓ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá.
- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

*Trái phiếu chưa niêm yết có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm*

Trái phiếu chưa niêm yết có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm được xác định theo giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

###### ► Cổ phiếu

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.  
Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:
  - ✓ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
  - ✓ Giá mua trung bình
- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.  
Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:
  - ✓ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
  - ✓ Giá mua trung bình;
- iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:
 

Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.;

Trường hợp không có đủ báo giá tối thiểu của ba (03) tổ chức báo giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây:

  - ✓ Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức cung cấp báo giá;
  - ✓ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
  - ✓ Giá mua trung bình
- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:
  - ✓ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá
  - ✓ Giá mua trung bình;
- v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:
  - ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

###### ► Cổ phiếu (tiếp theo)

vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:

Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.;

Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- ✓ Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá;
- ✓ Giá trị sổ sách;
- ✓ Giá mua/Giá trị vốn góp.

###### ► Chứng khoán phái sinh

- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên giá được xác định tương tự cổ phiếu niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên.

► *Quyền mua chứng khoán:* Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền

► *Các tài sản được phép đầu tư khác:* Việc định giá phải được xem xét đối với từng tài sản cụ thể và theo nguyên tắc định giá khoa học và khách quan do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và Ban Đại diện Quỹ phê duyệt

###### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

##### 4.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như khoản phải trả mua chứng khoán, phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí môi giới, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có]...) tại ngày trước ngày định giá.

$NAV = \text{Tổng giá trị tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của quỹ.}$

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.

$$uNAV = NAV/N$$

Trong đó:

uNAV: giá trị đơn vị Quỹ

N: Tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

##### 4.6 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

##### 4.7 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### 4.8 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.9 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

###### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

###### *Cổ tức*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

###### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản theo quy định của pháp luật (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

##### 4.10 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

###### *Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ*

Phí quản lý là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý được tính theo công thức như sau:

$\text{Phí quản lý} = 1,5\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$ .

###### *Phí giám sát và phí lưu ký*

Phí giám sát và phí lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí dưới đây không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát và lưu ký được xác định như sau:

###### *Nếu quy mô Quỹ dưới 600 tỷ đồng:*

$\text{Phí lưu ký} = 0,06\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$ .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.10 Chi phí (tiếp theo)

*Phí giám sát và phí lưu ký (tiếp theo)*

*Nếu quy mô Quỹ trên 600 tỷ đồng:*

Phí lưu ký = 0,05% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí lưu ký tối thiểu: 10.000.000/một tháng không có thuế giá trị gia tăng.

Phí giám sát = 0,035% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí giám sát tối thiểu: 15.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Mức phí trên không bao gồm các phí thông thường khác như phí Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, phí sửa lệnh...

*Phí dịch vụ quản trị Quỹ*

Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí quản trị quỹ = 0,045% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí quản trị Quỹ tối thiểu: 15.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Phí định giá đột xuất theo yêu cầu : 10.750.000 VND/ lần

*Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm phí cố định hàng tháng là 8.000.000 đồng/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; phí giao dịch đối với giao dịch từ số 401 trở đi trong ngày giao dịch bằng 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ. Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, phí kết nối, phí cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, phí thực hiện quyền được miễn. Mức phí trên chưa bao gồm các phí khác như phí gửi thư cho nhà đầu tư, phí cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.11 Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

*a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% (năm 2016: 20%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

*b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

**4.12 Các bên liên quan**

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**4.13 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Tổng giá trị bán</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i>	<i>Lãi bán chứng khoán trong năm 2017</i>	<i>Lãi bán chứng khoán trong năm 2016</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	229.337.753.550	203.640.086.911	25.697.666.639	9.654.951.055

**6. CHÈNH LỆCH TĂNG/(GIẢM) ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN**

	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh sổ cho năm 2017</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	162.086.314.462	169.567.239.200	7.480.924.738	(792.372.073)	8.273.296.811
Trái phiếu	30.106.141.440	29.924.149.620	(181.991.820)	-	(181.991.820)
Chứng chỉ tiền gửi	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
	<b>222.192.455.902</b>	<b>229.491.388.820</b>	<b>7.298.932.918</b>	<b>(792.372.073)</b>	<b>8.091.304.991</b>

Cổ phiếu niêm yết được đánh giá lại trên cơ sở giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Năm 2017</i>	<i>Năm 2016</i>
Chi phí giao dịch mua cổ phiếu niêm yết	470.544.794	176.443.713
Chi phí giao dịch mua trái phiếu	6.053.240	-
Chi phí giao dịch bán cổ phiếu niêm yết	344.005.462	142.413.595
	<b>820.603.496</b>	<b>318.857.308</b>

**8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<i>Năm 2017</i>	<i>Năm 2016</i>
Phí ngân hàng	34.576.282	19.333.407
Phí quản lý thường niên	10.000.000	10.000.000
Phí khác	473.000	946.000
	<b>45.049.282</b>	<b>30.279.407</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:		
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	7.077.639.127	14.329.446.298
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống bằng VND (*)	142.000.000.000	29.500.000.000
	<b>149.077.639.127</b>	<b>43.829.446.298</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,50%/năm.



## Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại VND		Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại VND	
Cổ phiếu	162.086.314.462	169.567.239.200	7.480.924.738		52.029.876.273	51.237.504.200	(792.372.073)	
Cổ phiếu niêm yết	162.086.314.462	169.567.239.200	7.480.924.738		52.029.876.273	51.237.504.200	(792.372.073)	
Trái phiếu niêm yết	30.106.141.440	29.924.149.620	(181.991.820)		-	-	-	
Chứng chỉ tiền gửi	30.000.000.000	30.000.000.000	-		-	-	-	
<b>Tổng</b>	<b>222.192.455.902</b>	<b>229.491.388.820</b>	<b>7.298.932.918</b>		<b>52.029.876.273</b>	<b>51.237.504.200</b>	<b>(792.372.073)</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải thu bán cổ phiếu	-	3.867.259.396
Dự thu cổ tức	-	749.500.000
Dự thu lãi tiền gửi	355.804.872	81.091.666
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi	296.875.000	-
Dự thu lãi trái phiếu	471.303.000	-
	<b>1.123.982.872</b>	<b>4.697.851.062</b>

**12. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả tiền mua cổ phiếu	1.495.840.400	4.286.924.757
	<b>1.495.840.400</b>	<b>4.286.924.757</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Phải trả kiểm toán	55.000.000	48.400.000
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	-	39.000.000
	<b>55.000.000</b>	<b>87.400.000</b>

**14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả phí quản lý	438.104.638	96.686.106
Phải trả phí lưu ký	17.524.186	10.000.000
Phải trả phí giám sát	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	-	26.400.000
Phải trả phí giao dịch	2.970.000	2.835.000
	<b>491.598.824</b>	<b>168.921.106</b>

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Vốn góp phát hành				Vốn góp mua lại				Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (VND)	
	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (VND)
Tại ngày 25/4/2014	5.442.360,00	10.000	54.423.600.000	-	54.423.600.000	-	-	-	-	-
Phát sinh trong kỳ	2.181.212,80	11.032	21.812.128.000	2.250.812.000	24.062.940.000	(1.118.900,00)	11.078	(11.189.000.000)	(1.206.297.100)	(12.395.297.100)
Tại ngày 31/12/2014	7.623.572,80	10.295	76.235.728.000	2.250.812.000	78.486.540.000	(1.118.900)	11.078	(11.189.000.000)	(1.206.297.100)	(12.395.297.100)
Phát sinh trong năm	6.228.582,19	10.607	62.285.821.900	3.779.969.467	66.065.791.367	(7.693.742,82)	10.839	(76.937.428.200)	(6.453.364.961)	(83.390.793.161)
Tại ngày 31/12/2015	13.852.154,99	10.435	138.521.549.900	6.030.781.467	144.552.331.367	(8.812.642,82)	10.869	(88.126.428.200)	(7.659.662.061)	(95.786.090.261)
Phát sinh trong năm	8.614.094,14	11.551	86.140.941.400	13.359.008.600	99.499.950.000	(5.966.420,71)	11.799	(59.664.207.100)	(10.734.067.812)	(70.398.274.912)
Tại ngày 31/12/2016	22.466.249,13	10.863	224.662.491.300	19.389.790.067	244.052.281.367	(14.779.063,53)	11.245	(147.790.635.300)	(18.393.729.873)	(166.184.365.173)
Phát sinh trong năm	41.742.402,19	13.231	417.424.021.900	134.855.466.134	552.279.488.034	(23.012.623,89)	13.389	(230.126.238.900)	(78.000.154.315)	(308.126.393.215)
Tại ngày 31/12/2017	64.208.651,32	12.402	642.086.513.200	154.245.256.201	796.331.769.401	(37.791.687,42)	12.551	(377.916.874.200)	(96.393.884.188)	(474.310.758.388)

Quỹ được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK, vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 54.423.600.000 VND, tương ứng với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá là 10,000 đồng Việt Nam trên một chứng chỉ Quỹ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	<i>Lợi nhuận đã thực hiện VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa thực hiện VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>7.548.486.249</b>	<b>(1.125.132.218)</b>	<b>6.423.354.031</b>
Phát sinh trong năm	10.595.957.317	332.760.145	10.928.717.462
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>18.144.443.566</b>	<b>(792.372.073)</b>	<b>17.352.071.493</b>
Phát sinh trong năm	30.186.184.098	8.091.304.991	38.277.489.089
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>48.330.627.664</b>	<b>7.298.932.918</b>	<b>55.629.560.582</b>

## Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Biến động giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm 2016 và 2017 được trình bày dưới đây:

Năm 2017						Năm 2016					
STT	Ngày định giá (dd/mm/yy)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND		Ngày định giá (dd/mm/yy)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND		
				Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND					Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND		
1	01/01/2017	95.219.987.687	7.687.185,60	12.387		01/01/2016	55.189.595.137	5.039.512,17	10.951		
2	05/01/2017	93.587.781.231	7.687.185,60	12.175	(212)	07/01/2016	54.458.582.681	5.039.512,17	10.806	(145)	
3	12/01/2017	93.417.879.500	7.687.185,60	12.152	(23)	14/01/2016	53.819.193.580	5.039.512,17	10.679	(127)	
4	19/01/2017	86.431.115.448	7.088.772,28	12.193	41	21/01/2016	51.741.246.002	4.938.249,32	10.478	(201)	
5	26/01/2017	86.512.220.446	7.088.772,28	12.204	11	28/01/2016	52.342.858.684	4.938.249,32	10.599	121	
6	01/02/2017	86.506.969.274	7.088.772,28	12.203	(1)	01/02/2016	53.481.096.900	4.997.854,35	10.701	102	
7	02/02/2017	86.505.871.168	7.088.772,28	12.203	-	04/02/2016	52.958.355.871	4.997.854,35	10.596	(105)	
8	09/02/2017	90.934.887.480	7.400.948,71	12.287	84	11/02/2016	53.503.618.782	4.997.854,35	10.705	109	
9	16/02/2017	91.553.125.836	7.399.990,20	12.372	85	18/02/2016	53.627.194.574	4.997.854,35	10.730	25	
10	23/02/2017	93.291.439.793	7.399.990,20	12.607	235	25/02/2016	53.887.496.679	4.997.854,35	10.782	52	
11	01/03/2017	95.026.336.494	7.529.928,35	12.620	13	01/03/2016	53.801.834.536	4.997.854,35	10.765	(17)	
12	02/03/2017	94.980.344.035	7.529.928,35	12.614	(6)	03/03/2016	53.884.722.567	4.997.854,35	10.782	17	
13	09/03/2017	95.384.919.003	7.529.928,35	12.667	53	10/03/2016	54.204.362.685	4.997.854,35	10.846	64	
14	16/03/2017	137.780.583.176	10.848.258,03	12.701	34	17/03/2016	55.128.197.078	4.997.854,35	11.030	184	
15	23/03/2017	137.785.286.781	10.848.258,03	12.701	-	24/03/2016	55.215.599.192	4.997.854,35	11.048	18	
16	30/03/2017	295.430.170.041	23.183.630,89	12.743	42	31/03/2016	87.243.315.040	7.872.600,50	11.082	34	
17	01/04/2017	295.910.147.235	23.183.630,89	12.764	21	01/04/2016	87.427.463.995	7.872.600,50	11.105	23	
18	06/04/2017	295.026.161.981	23.183.630,89	12.726	(38)	07/04/2016	87.102.581.471	7.872.600,50	11.064	(41)	
19	13/04/2017	296.397.403.658	23.183.630,89	12.785	59	14/04/2016	88.356.551.803	7.872.600,50	11.223	159	
20	20/04/2017	321.559.551.005	25.310.414,09	12.705	(80)	21/04/2016	81.713.825.679	7.306.550,86	11.184	(39)	
21	27/04/2017	320.341.995.900	25.310.414,09	12.657	(48)	28/04/2016	82.336.133.212	7.306.550,86	11.269	85	

## Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Năm 2017					Năm 2016					
STT	Ngày định giá (dd/mm/yy)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chí quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND		Ngày định giá (dd/mm/yy)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	
				Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND				Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
22	01/05/2017	333.102.930.570	26.223.389,84	12.703	46	01/05/2016	82.414.636.419	7.286.929,36	11.310	41
23	04/05/2017	332.833.382.966	26.223.389,84	12.692	(11)	05/05/2016	81.887.789.343	7.286.929,36	11.238	(72)
24	11/05/2017	334.785.942.629	26.223.389,84	12.767	75	12/05/2016	81.932.808.892	7.286.929,36	11.244	6
25	18/05/2017	356.435.258.968	27.596.300,38	12.916	149	19/05/2016	82.598.047.566	7.253.226,94	11.388	144
26	25/05/2017	355.893.433.089	27.596.300,38	12.896	(20)	26/05/2016	82.321.908.734	7.253.226,94	11.350	(38)
27	01/06/2017	337.241.411.703	26.017.803,72	12.962	66	01/06/2016	82.642.240.409	7.253.226,94	11.394	44
28	08/06/2017	340.439.918.217	26.017.803,72	13.085	123	02/06/2016	82.595.557.034	7.253.226,94	11.387	(7)
29	15/06/2017	339.649.651.878	25.821.988,82	13.154	69	09/06/2016	83.306.848.245	7.253.226,94	11.485	98
30	22/06/2017	342.287.165.346	25.821.988,82	13.256	102	16/06/2016	86.183.614.302	7.449.897,46	11.568	83
31	29/06/2017	329.053.038.666	24.867.806,46	13.232	(24)	23/06/2016	86.506.651.296	7.449.897,46	11.612	44
32	01/07/2017	329.752.704.884	24.867.806,46	13.260	28	30/06/2016	86.465.711.530	7.473.899,94	11.569	(43)
33	06/07/2017	330.861.279.438	24.867.806,46	13.305	45	01/07/2016	87.071.134.176	7.473.899,94	11.650	81
34	13/07/2017	330.905.751.744	24.867.806,46	13.307	2	07/07/2016	87.039.757.020	7.473.899,94	11.646	(4)
35	20/07/2017	321.736.037.803	24.443.071,87	13.163	(144)	14/07/2016	87.224.489.162	7.473.899,94	11.671	25
36	27/07/2017	323.357.555.813	24.443.071,87	13.229	66	21/07/2016	87.118.456.494	7.489.745,91	11.632	(39)
37	01/08/2017	316.332.484.458	23.774.122,59	13.306	77	28/07/2016	86.610.743.527	7.489.745,91	11.564	(68)
38	03/08/2017	316.800.714.742	23.774.122,59	13.325	19	01/08/2016	84.806.498.158	7.338.041,72	11.557	(7)
39	10/08/2017	315.717.375.329	23.774.122,59	13.280	(45)	04/08/2016	84.030.406.209	7.338.041,72	11.451	(106)
40	17/08/2017	315.979.966.394	23.744.361,95	13.308	28	11/08/2016	84.479.440.650	7.338.041,72	11.513	62
41	24/08/2017	315.521.950.801	23.744.361,95	13.288	(20)	18/08/2016	83.794.016.440	7.224.743,42	11.598	85
42	31/08/2017	308.147.953.609	22.818.687,29	13.504	216	25/08/2016	83.507.533.210	7.224.743,42	11.559	(39)
43	01/09/2017	309.330.423.537	22.818.687,29	13.556	52	01/09/2016	87.253.380.287	7.398.179,54	11.794	235
44	07/09/2017	308.452.710.820	22.818.687,29	13.518	(38)	08/09/2016	87.936.238.278	7.398.179,54	11.886	92
45	14/09/2017	308.241.206.512	22.818.687,29	13.508	(10)	15/09/2016	85.768.276.678	7.239.706,66	11.847	(39)
46	21/09/2017	263.960.736.511	19.610.123,19	13.460	(48)	22/09/2016	85.856.247.839	7.239.706,66	11.859	12



## Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

		Năm 2017					Năm 2016				
STT	Ngày định giá (dd/mm/yy)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chí quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chí quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chí quỹ VND		Ngày định giá (dd/mm/yy)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chí quỹ VND
47	28/09/2017	265.271.851.627	19.610.123,19	13.527	67		29/09/2016	85.362.684.907	7.039.116,40	12.127	268
48	01/10/2017	213.679.632.888	15.729.073,70	13.585	58		01/10/2016	85.094.908.142	7.039.116,40	12.089	(38)
49	05/10/2017	212.752.411.579	15.729.073,70	13.526	(59)		06/10/2016	86.629.871.888	7.039.116,40	12.307	218
50	12/10/2017	215.118.498.828	15.729.073,70	13.676	150		13/10/2016	85.756.869.845	7.039.116,40	12.183	(124)
51	19/10/2017	218.041.784.474	15.884.863,16	13.726	50		20/10/2016	92.454.733.985	7.599.997,57	12.165	(18)
52	26/10/2017	218.725.291.857	15.884.863,16	13.769	43		27/10/2016	91.755.510.961	7.599.997,57	12.073	(92)
53	01/11/2017	217.372.661.448	15.822.529,83	13.738	(31)		01/11/2016	89.976.953.138	7.403.534,25	12.153	80
54	02/11/2017	216.621.607.703	15.822.529,83	13.691	(47)		03/11/2016	89.843.338.386	7.403.534,25	12.135	(18)
55	09/11/2017	218.313.343.380	15.822.529,83	13.798	107		10/11/2016	89.147.575.345	7.403.534,25	12.041	(94)
56	16/11/2017	216.271.960.947	15.608.570,71	13.856	58		17/11/2016	90.304.303.370	7.326.154,59	12.326	285
57	23/11/2017	217.793.687.037	15.608.570,71	13.953	97		24/11/2016	90.096.562.982	7.326.154,59	12.298	(28)
58	30/11/2017	338.138.070.980	24.050.457,58	14.060	107		01/12/2016	65.206.078.000	5.337.832,36	12.216	(82)
60	01/12/2017	338.011.145.002	24.050.457,58	14.054	(6)		08/12/2016	63.871.545.108	5.337.832,36	11.966	(250)
59	07/12/2017	340.056.266.384	24.050.457,58	14.139	85		15/12/2016	69.162.807.882	5.809.604,57	11.905	(61)
61	14/12/2017	336.588.470.164	24.050.457,58	13.995	(144)		22/12/2016	69.979.216.978	5.809.604,57	12.045	140
62	21/12/2017	338.317.520.043	24.038.403,56	14.074	79		29/12/2016	93.067.387.181	7.687.185,60	12.107	62
63	28/12/2017	340.306.298.017	24.038.403,56	14.157	83		01/01/2017	95.219.987.687	7.687.185,60	12.387	280
64	01/01/2018	377.650.571.595	26.416.963,90	14.296	139						
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm					256.352.638.887						77.750.274.172

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 235
- Mức thấp nhất trong năm (VND) -

285  
4

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Chứng chỉ quỹ
Số lượng	26.416.963,90	7.687.185,60
	<b>26.416.963,90</b>	<b>7.687.185,60</b>

**19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC**

**19.1 Các bên liên quan**

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

**i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý	3.859.969.408	1.162.970.137

Số dư trọng yếu với các bên liên quan cuối năm được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý phải trả	438.104.638	96.686.106

**ii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ**

Ban Đại diện Quỹ được nhận thù lao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 156.000.000 VND. Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)**

**19.1 Các bên liên quan (tiếp theo)**

**iii) Ngân hàng TMCP Quân đội**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ	Thu nhập lãi tiền gửi	617.413.700	387.477.391

Không có số dư trọng yếu nào với Ngân hàng TMCP Quân đội tại ngày kết thúc năm tài chính.

**iv) Công ty Cổ phần Chứng khoán MB – Nhà đầu tư**

Phí môi giới chứng khoán phát sinh trong năm của Quỹ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán MB là 111.933.919 đồng Việt Nam.

**19.2 Các hợp đồng then chốt khác**

**Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)**

Các giao dịch trọng yếu trong năm được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Phí giám sát	198.000.000	152.935.482
		Phí lưu ký	200.124.721	155.265.000
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ	198.000.000	198.000.000
		Phí dịch vụ ngân hàng khác	35.049.282	20.279.407

Số dư trọng yếu tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	7.077.639.127	14.329.446.298
		Phí lưu ký phải trả	17.524.186	10.000.000
		Phí giám sát phải trả	16.500.000	16.500.000
		Phí dịch vụ quản trị quỹ phải trả	16.500.000	16.500.000
		Phí giao dịch chứng khoán phải trả	2.970.000	2.835.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

***Độ nhạy đối với lãi suất***

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

***Rủi ro tiền tệ***

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết*

Các cổ phiếu và trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và trái phiếu niêm yết của Quỹ là 199.491.388.820 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm (19.949.138.882) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 19.949.138.882 đồng Việt Nam.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thanh khoản***

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>						
Phải trả về mua các khoản đầu tư	- 1.495.840.400	-	-	-	-	1.495.840.400
Chi phí phải trả	- 55.000.000	-	-	-	-	55.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	- 491.598.824	-	-	-	-	491.598.824
Phải trả phí môi giới chứng khoán	-	-	-	-	-	-
	<b>- 2.042.439.224</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.042.439.224</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>						
Phải trả về mua các khoản đầu tư	- 4.286.924.757	-	-	-	-	4.286.924.757
Chi phí phải trả	- 87.400.000	-	-	-	-	87.400.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	- 168.921.106	-	-	-	-	168.921.106
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	- 1.568.010	-	-	-	-	1.568.010
	<b>- 4.544.813.873</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.544.813.873</b>

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và những chỉ tiêu liên quan chỉ áp dụng cho phần thuyết minh này. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ vẫn được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở theo quy định tại Thông tư số 198, Thông tư số 183 và Thông tư số 15.

**Tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

► ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

► ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:***

- (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)**

**Tài sản tài chính** (tiếp theo)

- ▶ ***Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:***
  - (i) Các tài sản tài chính mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
  - (ii) Các tài sản tài chính được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
  - (iii) Các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng.
- ▶ ***Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:***
  - (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
  - (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
  - (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ▶ ***Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***  
Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
  - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phí phân bổ,***  
bao gồm các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	162.086.314.462	169.567.239.200	52.029.876.273	51.237.504.200
- Cổ phiếu niêm yết	162.086.314.462	169.567.239.200	52.029.876.273	51.237.504.200
Trái phiếu niêm yết	30.106.141.440	29.924.149.620	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu	150.201.621.999	150.201.621.999	48.527.297.360	48.527.297.360
- Tiền gửi không kỳ hạn	7.077.639.127	7.077.639.127	14.329.446.298	14.329.446.298
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	142.000.000.000	142.000.000.000	29.500.000.000	29.500.000.000
- Phải thu bán cổ phiếu	-	-	3.867.259.396	3.867.259.396
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.123.982.872	1.123.982.872	830.591.666	830.591.666
	<b>372.394.077.901</b>	<b>379.693.010.819</b>	<b>100.557.173.633</b>	<b>99.764.801.560</b>
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả tiền mua các khoản đầu tư	1.495.840.400	1.495.840.400	4.286.924.757	4.286.924.757
Chi phí phải trả	55.000.000	55.000.000	87.400.000	87.400.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	491.598.824	491.598.824	168.921.106	168.921.106
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			1.568.010	1.568.010
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư			-	-
	<b>2.042.439.224</b>	<b>2.042.439.224</b>	<b>4.544.813.873</b>	<b>4.544.813.873</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá gốc của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi được xác định theo nguyên tắc và phương pháp định giá lại được trình bày tại Thuyết minh số 4.3 – Các khoản đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT Chỉ tiêu		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</b>			
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	1,51%	1,50%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,17%	0,42%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,12%	0,39%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,02%	0,06%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,06%	0,23%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	2,21%	3,07%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra) / Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm/2	112,63%	141,26%
<b>II Các chỉ tiêu khác</b>			
1	Quy mô quỹ đầu năm		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	76.871.856.000	50.395.121.700
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	7.687.185,60	5.039.512,17
2	Thay đổi quy mô quỹ trong năm		
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong năm	41.742.402,19	8.614.094,14
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong năm (theo mệnh giá)	417.424.021.900	86.140.941.400
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong năm	(23.012.623,89)	(5.966.420,71)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong năm khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(230.126.238.900)	(59.664.207.100)
3	Quy mô quỹ cuối năm		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	264.169.639.000	76.871.856.000
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	26.416.963,90	7.687.185,60
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối năm	2,11%	37,17%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm	26,59%	68,57%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối năm	0,01%	0,03%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm, kể cả giao dịch ký danh	536	223
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối năm	14.296	12.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính.

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2018